

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 03-8-2018

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con ”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM - TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Luận

Ông Bùi Văn Dệt

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Thương – kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 170/2018/TLST-HNGĐ ngày 17/4/2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Kim P, sinh năm: 1981; (có mặt)

Nơi cư trú: Số 18, ấp 6, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn:* Bà Hồ Thị C, sinh năm: 1983; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số 312, ấp 6, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Đỗ Kim P trình bày:

Qua thời gian tìm hiểu nhau, ông P và bà C tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 14/3/2008 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình bà C, thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Nhưng từ năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân chính là do ông P và bà C có cho anh và cậu vợ của ông mượn tiền nhưng không trả theo yêu cầu của ông, từ đó vợ chồng xảy ra tranh cãi nên dẫn đến mâu thuẫn giữa bà C và gia đình ông P. Bà C không đồng ý về sống bên gia đình ông, đến ngày đám tiệc, lễ tết bà C cũng không về. Vợ chồng bất đồng quan điểm không thể chung sống nên ông đã dọn ra ở riêng và ly thân khoảng 01 năm nay. Hiện nay ông xác định không còn tình cảm với bà C nên ông xin ly hôn với bà C.

- Về con chung: Ông bà có hai con chung tên Đỗ Thanh P, sinh ngày 12/6/2008 và Đỗ Thị Bảo N, sinh ngày 04/01/2017. Hai con hiện đang sống chung với bà C. Ông P đồng ý giao hai con cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng mỗi con 1.500.000 đồng/tháng, hai con là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử là đúng quy định; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: ông P chấp hành đúng, bà C không chấp hành đúng vì vắng mặt trong những lần hòa giải, công khai chứng cứ, phiên tòa, không trình bày ý kiến để bảo vệ quyền lợi của mình.

- Về nội dung: Ông P xác định không còn tình cảm với bà C, vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2018 và không còn sống chung, việc ông P xin ly hôn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về con chung: Hai con đang sống với bà C, cháu P thể hiện ý kiến mong muốn sống với mẹ, ông P đồng ý giao hai con cho vợ nuôi, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng là 3.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về tài sản chung ông P không tranh chấp, về nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông P khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà C, bà Chiện đang cư trú tại xã L, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bà C nhiều lần nhưng bà C không có mặt nên Tòa án lập biên bản không tiến hành phiên họp công khai chứng cứ và không hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử là phù hợp. Bà C đã được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bà C vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt bà C.

[2] Về hôn nhân: Ông P và bà C xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào năm 2008. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Ông P xin ly hôn với bà C vì cho rằng giữa ông bà mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, nguyên nhân là do tiền của hai vợ chồng để dành được đều cho cậu vợ và anh vợ mượn nhưng không trả và do bà C không đồng ý về sống chung bên gia đình ông từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Tại tòa ông P vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với bà C. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông P và bà C phát sinh từ năm 2014 đến nay nhưng ông bà không tìm cách tháo gỡ được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến việc ông P dọn ra ở riêng, ly thân và nộp đơn xin ly hôn. Tòa án đã nhiều lần mời bà C đến để tạo điều kiện hòa giải hàn gắn hạnh phúc cho ông bà nhưng bà C đều vắng mặt, đồng thời bà C cũng không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến muốn hàn gắn với ông P. Thực tế cho thấy ông bà không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc và chia sẻ các công việc trong gia đình, vợ chồng không chung sống với nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Xét yêu cầu xin ly hôn của ông P là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Hai con chung tên Đỗ Thanh P, sinh ngày 12/6/2008 và Đỗ Thị Bảo N, sinh ngày 04/01/2017 hiện nay đang sống với bà C. Xét thấy để tránh gây xáo trộn ảnh hưởng đến cuộc sống, nơi học tập của hai trẻ nên ý kiến của ông P đồng ý giao hai con cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng là có cơ sở, phù hợp với ý kiến của cháu P nên được chấp nhận. Bà C vắng mặt, không có ý kiến về người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nên Tòa án không thể xem xét nguyện vọng của bà trong vụ án này, theo quy định bà được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con, khi nào bà có yêu cầu Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác. Ông P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/con cho đến khi hai con đủ 18 tuổi là phù hợp nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Ông P không tranh chấp nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông P đều khai không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát về vấn đề tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng là phù hợp và ý kiến đề nghị về việc giải quyết nội dung vụ án là chấp nhận yêu cầu của ông P phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông P phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đỗ Kim P đối với bà Hồ Thị C, cụ thể:

- Về hôn nhân: Ông Đỗ Kim P được ly hôn với bà Hồ Thị C.

- Về con chung: Bà Hồ Thị C được quyền trực tiếp nuôi hai con chung tên Đỗ Thanh P, sinh ngày 12/6/2008 và Đỗ Thị Bảo N, sinh ngày 04/01/2017. Ông Đỗ Kim P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (mỗi con là 1.500.000 đồng/tháng). Thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Đỗ Kim P được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở ông P thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ông P khai không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Kim P phải nộp án phí hôn nhân gia đình là 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng là 300.000đ (Ba trăm nghìn) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí là 300.000 đ (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số: 0016706 ngày 17 tháng 04 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Ông P phải nộp thêm 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ông Đỗ Kim P được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Bà Hồ Thị C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- UBND xã Lương Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan